

PHẦN 1 : Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

1.1. Định dạng sản phẩm

Mẫu sản phẩm	: Dạng tổng hợp
Tên sản phẩm	: IRIS SALMONELLA® SUPPLEMENT (TABLETS)
Mã sản phẩm	: BS07708
Nhóm sản phẩm	: Sản phẩm thương mại

1.2. Các cách sử dụng đã được xác định là phù hợp của chất hoặc hỗn hợp và các cách sử dụng được khuyến nghị nên tránh

1.2.1. Các cách sử dụng được xác nhận và khuyến cáo

Mục đích sử dụng chính	: Sử dụng công nghiệp, sử dụng chuyên môn
Mục đích của chất/ hỗn hợp	: Kiểm soát vi sinh

1.2.2. Các cách sử dụng được khuyến nghị nên tránh

Không có thông tin

1.3. Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

BIOKAR DIAGNOSTICS THUỘC TẬP ĐOÀN SOLABIA

Rue des Quarante Mines

60002 Beauvais Cedex - FRANCE

T 0033 3 44 14 33 33 - F 0033 3 44 14 33 34

info.fds@solabia.fr - www.biokar-diagnostics.fr

1.4. Điện thoại khẩn cấp

Không có thông tin

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008 [CLP]

Gây dị ứng đường hô hấp. 1 H334

Gây dị ứng da. 1 H317

Toàn bộ danh mục phân loại và báo cáo xem chi tiết ở bảng H, Phần 16

2.2. Yếu tố nhãn

Ghi nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008 [CLP]

Biểu đồ nguy hiểm (CLP) :



GHS08

Cảnh báo bằng ngôn ngữ (CLP)

: Danger_Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm (CLP)

: H317 - Có thể gây dị ứng da.
H334 - Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.

Cảnh báo phòng ngừa (CLP)

: P304+P341 - IF INHALED: nếu khó thở, đưa nạn nhân đến nơi có không khí trong lành và nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái.
P302+P352 - NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng nhiều nước với xà phòng
P312 - Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

EUH-statements

: EUH208 - có thể gây nên dị ứng.

2.3. Các nguy cơ khác

Các tác động bất lợi về hóa lý, sức khỏe con người và môi trường : Gây kích ứng mắt. Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây kích ứng da. Có thể có hại nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường thở.

IRIS SALMONELLA® SUPPLEMENT (TABLETS)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH)

PHẦN 3: Thành phần, thông tin về các phụ liệu

3.1. Chất
Không áp dụng
3.2. Hỗn hợp

Tên	Định danh sản phẩm	%	Phân loại theo Quy định (EC) No. 1272/2008 [CLP]
Sulfadiazine sodium	(CAS-No.) 547-32-0 (EC-No.) 208-919-0	1 - 20	Độc cấp tính. 4 (Uống), H302 Kích ứng da. 2, H315 Kích ứng mắt. 2, H319 Nhạy cảm đường thở. 1, H334 Nhạy cảm cho da. 1, H317 STOT SE 3, H335
Novobiocine	(CAS-No.) 1476-53-5 (EC-No.) 216-023-6	0,1 - 1	Kích ứng mắt. 2, H319 Nhạy cảm cho da. 1, H317

Xem chi tiết ở bảng H, Phần 16

PHẦN 4: Các biện pháp sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu	
Các biện pháp sơ cứu sau khi hít phải	: Nếu thở khó khăn, đưa nạn nhân tới nơi có không khí trong lành và giữ yên ở tư thế thoải mái
Gọi cho Bác sĩ hoặc trung tâm y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.	
Sơ cứu sau khi tiếp xúc với da	: Rửa thật kỹ với nhiều xà phòng và nước
Sơ cứu sau khi tiếp xúc với mắt	: Rửa sách bằng nhiều nước. Chăm sóc y tế nếu bị đau rát và đỏ mắt kéo dài
Các biện pháp sơ cứu sau khi nuốt phải	: Súc miệng, không gây ói mửa. Gọi điện cho Trung tâm y tế hoặc Bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.

4.2. Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm
Không có thông tin

4.3. Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt
Điều trị các triệu chứng.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý hỏa

5.1. Phương tiện cứu hỏa	
Phương tiện cứu hỏa phù hợp	: Phun nước, bột kho, bột
5.2. Các mối nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ các chất hoặc hỗn hợp	
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp hỏa hoạn	: Khói độc hại có thể được phát sinh.
5.3. Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa	
Bảo vệ trong quá trình chữa cháy	: Chỉ hành động khi có các thiết bị bảo vệ phù hợp. Có thiết bị hô hấp khép kín. Quần áo bảo hộ hoàn chỉnh.

PHẦN 6: Các biện pháp giảm nhẹ tai nạn

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp	
6.1.1. Đối với các nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp	
Thiết bị bảo vệ	: Mặc đồ bảo hộ cá nhân. Để biết thêm chi tiết, tham khảo phần 8: "Kiểm soát phơi nhiễm/ bảo vệ cá nhân"
Quy trình ứng phó khẩn cấp	: Cung cấp phương tiện thông khí đầy đủ. Đưa mọi người đến nơi an toàn
Các biện pháp trong trường hợp phát sinh khói	: Tránh làm gia tăng khói và hít phải khói
6.1.2. Đối với nhân viên ứng cứu khẩn cấp	
Thiết bị bảo hộ	: Không hành động khi không có các thiết bị bảo hộ phù hợp. Có thiết bị hô hấp khép kín. Quần áo bảo hộ hoàn chỉnh. Để biết thêm chi tiết, tham khảo phần 8: "Kiểm soát phơi nhiễm/ bảo vệ cá nhân."
6.2. Đề phòng cho môi trường	
Không thải ra môi trường. Ngăn chặn đi vào hệ thống cống, tầng hầm và nơi làm việc, hoặc bất kỳ nơi nào có thể gây nguy hiểm.	

IRIS SALMONELLA® SUPPLEMENT (TABLETS)

Safety Data Sheet

according to Regulation (EC) No. 1907/2006 (REACH)

6.3. Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

- Đề bao ngăn** : Thu gom
Phương pháp làm sạch : Thu dọn vào thùng chứa thích hợp để xử lý.

6.4. Tham khảo các phần khác

Không có thông tin.

PHẦN 7: Xử lý và bảo quản

7.1. Thận trọng trong việc bảo quản

- Các lưu ý khi bảo quản** : Đảm bảo thông gió tốt ở nơi làm việc. Tránh hít bụi. Mặc đồ bảo hộ cá nhân. Để biết thêm thông tin, tham khảo thêm tại phần 8.
Biện pháp vệ sinh : Luôn rửa tay sau khi sử dụng sản phẩm.

7.2. Điều kiện lưu trữ an toàn, không tương thích

- Điều kiện bảo quản** : Lưu trữ ở nơi tránh ánh sáng, trong thùng kín
Nhiệt độ lưu trữ : 2 - 8 °C
Vật liệu đóng gói : Vĩ nhôm

7.3. Sử dụng cụ thể

Không có thêm thông tin

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1. Các thông số kiểm soát

Không có thông tin thêm

8.2. Kiểm soát độ phơi sáng

- Biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** : Đảm bảo nơi làm việc thông thoáng
Vật liệu quần áo bảo hộ : Mặc các bộ quần áo bảo hộ phù hợp
Bảo vệ tay : Sử dụng găng tay phù hợp
Bảo vệ mắt : Nên đeo kính an toàn có bộ phận bảo vệ bên cạnh để tránh các hạt trong không khí và / hoặc các tiếp xúc mắt khác với sản phẩm này
Bảo vệ da và cơ thể : Mặc các bộ quần áo bảo hộ phù hợp
Bảo vệ hô hấp : Thiết bị hô hấp phù hợp
Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Không phát tán ra môi trường.

PHẦN 9: Các tính chất vật lý và hóa học

9.1. Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

- Hình thể** : Rắn
Dạng : Viên.
Màu sắc : xanh nhạt
Mùi : Không có thông tin
Ngưỡng của mùi : Không có thông tin
pH : Không có thông tin
Tốc độ bay hơi (butylacetate=1) : Không có thông tin
Điểm nóng chảy : Không có thông tin
Điểm đóng băng : Không có thông tin
Điểm sôi : Không có thông tin
Flash point : Không có thông tin
Tỷ lệ hóa hơi : Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy : Không có thông tin
Khả năng bắt cháy(chất rắn, khí) : Không có thông tin
Áp suất hơi : Không có thông tin
Mật độ hơi tại 20 °C : Không có thông tin
Mật độ tương đối : Không có thông tin
Độ hòa tan : Hòa tan trong nước.
Log Pow : Không có thông tin
Độ nhớt, động lực : Không có thông tin
Độ nhớt, động năng : Không có thông tin
Đặc tính cháy nổ : Không có thông tin
Tính oxy hóa : Không có thông tin

IRIS SALMONELLA® SUPPLEMENT (TABLETS)

Safety Data Sheet

according to Regulation (EC) No. 1907/2006 (REACH)

Giới hạn gây nổ : Không có thông tin

9.2. Thông tin khác

Không có thêm thông tin.

PHẦN 10: Tính ổn định và tính phản ứng

10.1. Khả năng phản ứng

Không có thêm thông tin

10.2. Ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bình thường

10.3. Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Không có thêm thông tin

10.4. Các điều kiện cần tránh

Không có thêm thông tin.

10.5. Vật liệu không tương thích

Tác nhân oxi hóa mạnh.

10.6. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Nitrogen oxides. carbon oxides. sulphur oxides. Carbon dioxide.

PHẦN 11: Thông tin độc học

11.1. Thông tin về tác dụng độc học

Độc cấp tính : Không được phân loại
Không có dữ liệu

Novobiocine (1476-53-5)	
LD50 oral rat	3500 mg/kg
RTECS	RD5425000

Kích ứng / tổn thương mắt nghiêm trọng : Không được phân loại
Không có dữ liệu

Nhạy cảm đường hô hấp hoặc da : Không được phân loại
Không có dữ liệu

Nhạy cảm đường hô hấp hoặc da : Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải. có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
Không có dữ liệu

Khả năng gây đột biến tế bào mầm : Không được phân loại
Không có dữ liệu

Khả năng gây ung thư : Không được phân loại
Không có dữ liệu

Độc tính sinh sản : Không được phân loại
Không có dữ liệu

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm một lần) : Không được phân loại
Không có dữ liệu

Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần) : Không được phân loại
Không có dữ liệu

Nguy hiểm : Không được phân loại
Không có dữ liệu

PHẦN 12: Thông tin sinh thái học

12.1. Độc tính

Sinh thái học cơ bản : Không có thông tin.

IRIS SALMONELLA® SUPPLEMENT (TABLETS)

Safety Data Sheet

according to Regulation (EC) No. 1907/2006 (REACH)

12.2. Tính bền vững và phân hủy		
Tính bền vững và phân hủy	Không có thông tin.	
12.3. Tiềm năng tích tụ sinh học		
Tiềm năng tích tụ sinh học	Không có thông.	
12.4. Tính biến đổi trong đất		
Sinh thái đất	Không có thông tin.	
12.5. Kết quả đánh giá PBT và vPvB		
Không có thêm thông tin.		
12.6. Các ảnh hưởng khác		
Các tác động khác	: Không có thông tin.	

PHẦN 13: Các lưu ý về tiêu hủy

13.1. Phương pháp xử lý chất thải		
Khuyến cáo xử lý chất thải	: Xử lý an toàn theo đúng quy định của địa phương / quốc gia. Thiêu đốt, xử lý hoặc tái chế tại nhà cung cấp cụ thể.	
Sinh thái - vật liệu phế thải	: Không xả rác ra môi trường	

PHẦN 14: Thông tin vận chuyển

Phù hợp với ADR / RID / IMDG / IATA / ADN

14.1. Số UN		
Không quy định về vận chuyển		
14.2. Tên vận chuyển thích hợp		
Tên vận chuyển thích hợp (ADR)	:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp (IMDG)	:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp (IATA)	:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp (ADN)	:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp (RID)	:	Không áp dụng
14.3. Phân loại hàng nguy hiểm trong vận chuyển		
ADR		
Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (ADR) : Không áp dụng		
IMDG		
Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (IMDG): Không áp dụng		
IATA		
Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (IATA) : Không áp dụng		
ADN		
Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (ADN) : Không áp dụng		
RID		
Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (RID) : Không áp dụng		
14.4. Nhóm đóng gói		
Nhóm đóng gói (ADR)	:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói (IMDG)	:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói (IATA)	:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói (ADN)	:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói (RID)	:	Không áp dụng
14.5. Môi trường độc hại		
Nguy hiểm cho môi trường	:	Không
Ô nhiễm môi trường biển	:	Không
Thông tin khác	:	Không có thông tin bổ sung
14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng		
- Vận tải đường bộ		
Không có thông tin		

IRIS SALMONELLA® SUPPLEMENT (TABLETS)

Safety Data Sheet

according to Regulation (EC) No. 1907/2006 (REACH)

- **Vận tải đường biển**
Không có thông tin
- **Vận tải đường hàng không**
Không có thông tin
- **Vận tải đường thủy nội địa**
Vận tải bị cấm (ADN) : Không
Không tuân theo ADN : Không
- **Vận tải đường sắt**
Vận tải bị cấm (RID) : Không

14.7. Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không áp dụng

PHẦN 15: Thông tin pháp luật

15.1. Các quy định / luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho chất hoặc hỗn hợp

- 15.1.1. Các quy định của EU**
Không chứa các chất trong Phụ lục hạn chế XVII ,Quy định REACH substances
Không chứa các chất trong danh mục REACH candidate
Không chứa các chất trong phụ lục XIV, quy định REACH

- 15.1.2. Các quy định của Quốc gia**
Không có thông tin

15.2. Đánh giá an toàn hóa chất

Không có đánh giá an toàn hóa chất nào được thực hiện

PHẦN 16: Thông tin khác

Thông tin thay thế:

	Ngày cấp	Đã sửa đổi	
	Ngày sửa đổi	Đã sửa đổi	
	Ngày thay thế	Đã sửa đổi	
3	Thành phần / Thông tin về các thành phần	Đã sửa đổi	

Bảng thông tin chi tiết H:

Độc cấp tính cấp 4 (Oral)	Độc tính cấp (uống), Nhóm 4
Kích ứng mắt. 2	Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt, Nhóm 2
Nhạy cảm đường hô hấp. 1	Nhạy cảm đường hô hấp, Loại 1
Kích ứng mắt. 2	Ăn mòn / kích ứng da, Loại 2
Nhạy cảm cho da. 1	Nhạy cảm da, Loại 1
STOT SE 3	Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm đơn lẻ, Nhóm 3, Kích ứng đường hô hấp
H302	Có hại nếu nuốt phải..
H315	Gây kích ứng da.
H317	Có thể gây ra phản ứng dị ứng da..
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H334	Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải
H335	Có thể gây kích ứng đường hô hấp
EUH208	Chứa đựng . Có thể gây nên dị ứng.

Thông tin này dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi, nhằm mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm